

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Định”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 60/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính Đăng ký hộ kinh doanh và Đăng ký thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 682/TTr-VPUBND ngày 01 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thực hiện nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh hoạt động karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

QUY CHẾ**“Thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính cấp
giấy phép kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Định”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về quy trình và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác phối hợp giải quyết liên thông nhóm các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh theo phân cấp thẩm quyền tại Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

a) “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện” bao gồm: “(i) Đăng ký thành lập hộ kinh doanh – (ii) Cấp Mã số thuế của hộ kinh doanh – (iii) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự - (iv) Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke”.

b) “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh” bao gồm: (i) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự - (ii) Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke”.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các trường hợp cấp giấy phép kinh doanh karaoke tại một địa điểm kinh doanh có nhiều ngành, nghề khác nhau có quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là tổ chức, công dân) có nhu cầu thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế này.

2. Đối với “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện”: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện);

Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện); Công an các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Công an cấp huyện); Chi cục Thuế các khu vực, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Chi cục Thuế cấp huyện) và Bộ phận Một cửa cấp huyện.

3. Đối với “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh”: Sở Văn hóa và Thể thao, Công an cấp huyện và các cơ quan có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính

1. Công tác giải quyết liên thông các nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke theo Điều 1 Quy chế này phải tuân thủ đầy đủ các quy định tại “Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh” ban hành kèm theo Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ theo hướng tích hợp, liên thông trách nhiệm phối hợp giải quyết, nâng cao chất lượng phục vụ hành chính của các cơ quan Nhà nước có liên quan để cắt giảm tối đa số lượt đi lại, tiết kiệm thời gian, chi phí cho công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan liên quan tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quy chế này chủ động, tích cực phối hợp xử lý nhanh chóng những nội dung công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (bao gồm những vướng mắc phát sinh nếu có) trong quá trình giải quyết liên thông thủ tục hành chính theo Quy chế này.

4. Tổ chức, công dân có nhu cầu cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này phải nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các thông tin kê khai trong hồ sơ.

Điều 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết

1. Bộ phận Một cửa cấp huyện là đầu mối duy nhất thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hồ sơ liên quan đến “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện”.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao) là đầu mối duy nhất thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hồ sơ liên quan đến “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh”.

Chương II

“NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CẤP HUYỆN”

Điều 5. Thành phần hồ sơ

Công dân nộp 01 (một) bộ hồ sơ, thành phần theo quy định như sau:

1. Đối với hồ sơ yêu cầu Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và cấp Mã số thuế của hộ kinh doanh: thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế; thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị Đăng ký hộ kinh doanh (theo Mẫu quy định tại Phụ lục III-1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

c) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

d) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

đ) Tờ khai đăng ký thuế (theo mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính).

2. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự: thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Bản sao hợp lệ các giấy tờ, tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an, cụ thể:

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ

quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh không thuộc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ nhưng thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Bản khai lý lịch (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ) kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Bản khai nhân sự (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ) của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh.

3. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke: đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ).

Điều 6. Thời gian giải quyết hồ sơ

Tổng thời gian giải quyết liên thông “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke của Ủy ban nhân dân cấp huyện” theo quy trình tại Điều 7 Quy chế này là không quá 07 ngày làm việc (giảm ít nhất 06 ngày làm việc và giảm 06 lượt đi/lại của công dân so với trường hợp công dân phải thực hiện đơn lẻ 04 thủ tục hành chính theo điểm a khoản 1 Điều 1 Quy chế này).

Điều 7. Quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết

1. Lưu đồ “Quy trình giải quyết liên thông Nhóm thủ tục hành chính cấp Giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện” cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này.

2. Quy trình giải quyết cụ thể:

*** Bước 1:** Tiếp nhận và chuyển hồ sơ (thời hạn là 0,5 ngày làm việc)

- Bộ phận Một cửa cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và lập “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả” cho tổ chức, công dân.

- Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ (scan hồ sơ), khai báo nội dung hồ sơ công việc theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này trên Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh. Sau đó, chuyển đồng thời toàn bộ hồ sơ cho Chi cục Thuế cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện, Công an cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện qua Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh để các phòng ban, đơn vị chủ động phối hợp, tham mưu hoặc giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền.

*** Bước 2:** Kiểm tra hồ sơ: Chi cục Thuế cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện, Công an cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện thẩm định tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ (thời hạn là 0,5 ngày làm việc)

- Đối với trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong vòng 0,5 ngày, cơ quan

phát hiện thành phần hồ sơ không hợp lệ chuyển nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung cho Bộ phận Một cửa cấp huyện để yêu cầu người đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp Bước 3.

* **Bước 3:** Cấp giấy phép Đăng ký hộ kinh doanh cùng với cấp Mã số thuế (thời hạn là 1,5 ngày làm việc):

Bước 3.1: Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ phận Một cửa cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện có trách nhiệm cấp Mã số thuế (cập nhật trực tiếp Mã số thuế trên eform Phần mềm Một cửa điện tử) và chuyển hồ sơ đến Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện thông qua Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh.

Bước 3.2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có gắn Mã số thuế. Sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ điện tử (bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) thông qua Phần mềm Một cửa điện tử đến Công an cấp huyện, đồng thời gửi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản giấy) cho cơ quan Công an cấp huyện và Bộ phận Một cửa cấp huyện.

* **Bước 4:** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự và Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thời hạn là 04 ngày làm việc)

Bước 4.1. Kiểm tra hiện trường: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện chuyển đến, Công an cấp huyện phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện cùng thực hiện việc kiểm tra hiện trường về tiêu chuẩn, kích thước phòng; điều kiện về an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy... và các nội dung liên quan theo quy định.

- Trường hợp kiểm tra hiện trường không đảm bảo các điều kiện theo quy định về cấp Giấy phép an ninh, trật tự; cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke thì trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hiện trường, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện chủ trì, phối hợp với Công an cấp huyện có văn bản nêu rõ lý do, hướng dẫn việc bổ sung hồ sơ (nếu có) và chuyển đến Bộ phận Một cửa cấp huyện để trả hồ sơ cho công dân.

- Trường hợp kết quả kiểm tra hiện trường đảm bảo đủ điều kiện theo quy định: thực hiện tiếp Bước 4.2

Bước 4.2. Cấp Giấy phép an ninh, trật tự: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hiện trường, Công an cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự theo quy định và chuyển đến Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện (chuyển bản scan trên Phần mềm Một cửa điện tử) để tham mưu cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Đồng thời, chuyển Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự (bản giấy) cho Bộ

phận Một cửa cấp huyện và cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.

Bước 4.3. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (01 ngày làm việc):

- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự do Công an cấp huyện chuyển đến, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện tham mưu trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke và chuyển kết quả cho bộ phận văn thư phát hành theo quy định trước khi trả kết quả cho Bộ phận Một cửa.

*** Bước 5:** Trả kết quả (thời hạn là 0,5 ngày làm việc)

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa cấp huyện tổng hợp nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung từ các phòng, ban liên quan: Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện; Công an cấp huyện; Chi cục Thuế cấp huyện để có văn bản yêu cầu người đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa cấp huyện trả kết quả cho công dân, bao gồm: Bản chính Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

Điều 8. Phí, lệ phí

1. Công dân có trách nhiệm nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí liên quan khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, bao gồm:

a) Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000 đồng (theo khoản 3 Điều 21 “Quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh” ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Các trường hợp không thu lệ phí:

- Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh.

- Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).

b) Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh: 300.000 đồng (theo Điều 4 Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).

c) Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường (theo Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính) cụ thể như sau:

- Tại các thành phố trực thuộc Trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy; từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.

- Tại khu vực khác: từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy; từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy; từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.

2. Bộ phận Một cửa cấp huyện chịu trách nhiệm thu đầy đủ các khoản phí, lệ phí nêu trên; sau đó chuyển số tiền thu được về cho các cơ quan có liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

“NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CẤP TỈNH”

Điều 9. Thành phần hồ sơ

Công dân nộp 01 (một) bộ hồ sơ, thành phần theo quy định như sau:

1. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự: thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; Giấy phép hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

c) Bản sao hợp lệ các giấy tờ, tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và Điều 5 của Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an, cụ thể:

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn của cơ

quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh không thuộc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ nhưng thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Bản khai lý lịch (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ) kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Bản khai nhân sự (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ) của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh.

2. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke: đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ).

Điều 10. Thời gian giải quyết hồ sơ

Tổng thời gian giải quyết liên thông “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh” theo quy trình tại Điều 11 Quy chế này là không quá 07 ngày làm việc (giảm ít nhất 03 ngày làm việc và giảm 02 lượt đi/lại của công dân so với trường hợp công dân phải thực hiện đơn lẻ 02 thủ tục hành chính theo điểm b khoản 1 Điều 1 Quy chế này).

Điều 11. Quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết

1. Lưu đồ “Quy trình giải quyết liên thông Nhóm thủ tục hành chính cấp Giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh” cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này.

2. Quy trình giải quyết cụ thể:

* **Bước 1:** Tiếp nhận và chuyển hồ sơ (thời hạn là 0,5 ngày làm việc)

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và lập “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả” cho tổ chức, công dân.

- Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ (scan hồ sơ), khai báo nội dung hồ sơ công việc theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này trên Phần mềm Một cửa điện tử. Sau đó, chuyển hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh karaoke cho bộ phận chuyên môn thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; đồng thời chuyển hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự cho Công an cấp huyện qua Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh.

* **Bước 2:** Kiểm tra hồ sơ: Sở Văn hóa và Thể thao, Công an cấp huyện thẩm định tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ (thời hạn là 0,5 ngày làm việc)

- Đối với trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong vòng 0,5 ngày, cơ quan

phát hiện thành phần hồ sơ không hợp lệ chuyển nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để yêu cầu người đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp Bước 3.

* **Bước 3:** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự và Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thời hạn là 5,5 ngày làm việc)

Bước 3.1. Kiểm tra hiện trường: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển đến, Công an cấp huyện cùng phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tiến hành kiểm tra hiện trường về tiêu chuẩn, kích thước phòng; điều kiện về an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy... và các nội dung liên quan theo quy định.

- Trường hợp kiểm tra hiện trường không đảm bảo các điều kiện theo quy định về cấp Giấy phép an ninh, trật tự, cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke thì trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hiện trường, Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Công an cấp huyện có văn bản nêu rõ lý do, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu có) gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả hồ sơ cho công dân.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp bước 3.2

Bước 3.2. Cấp Giấy phép an ninh, trật tự: trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hiện trường, Công an cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự theo quy định và chuyển đến Sở Văn hóa và Thể thao (chuyển bản scan từ bản giấy trên Phần mềm Một cửa điện tử và chuyển bản giấy qua dịch vụ bưu chính công ích đến Sở Văn hóa và Thể thao lưu hồ sơ công việc) để cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Đồng thời, Công an cấp huyện chuyển Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự (bản chính) cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho công dân theo quy định.

Bước 3.3. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (01 ngày làm việc):

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự do Công an cấp huyện chuyển đến trên Phần mềm Một cửa điện tử, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện việc cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định, chuyển kết quả (bản giấy và bản điện tử) cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho công dân theo quy định.

* **Bước 4:** Trả kết quả (thời hạn là 0,5 ngày làm việc)

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoàn trả hồ sơ cho công dân kèm theo văn bản nêu lý do của Sở Văn hóa và

Thể thao.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho công dân, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

Điều 12. Phí, lệ phí

1. Công dân có trách nhiệm nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí liên quan khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, bao gồm:

a) Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh: 300.000 đồng (theo Điều 4 Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).

b) Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường (theo Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính) cụ thể như sau:

- Tại các thành phố trực thuộc Trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy; từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.

- Tại khu vực khác: từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy; từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy; từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.

2. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chịu trách nhiệm thu đầy đủ các khoản phí, lệ phí nêu trên; sau đó chuyển số tiền thu được về cho các cơ quan có liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc công bố nhóm thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết liên thông nhóm thủ tục hành chính theo Quy chế này đảm bảo theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”.

2. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bộ phận tiếp nhận hồ sơ của đơn vị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh giới thiệu, hướng dẫn cho công dân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ để thực hiện “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh” khi công dân đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh liên hệ làm thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke. Không để xảy ra tình trạng công dân không

nắm được thông tin, dẫn đến phải đi lại nhiều lần do thực hiện đơn lẻ từng thủ tục hành chính.

3. Làm đầu mối tiếp nhận thông tin, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan kịp thời hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế.

4. Theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy chế này cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua việc lồng ghép vào báo cáo định kỳ công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo, quán triệt Công an cấp huyện phối hợp tốt với chính quyền cùng cấp trong công tác triển khai, sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử để thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định tại Quy chế này.

2. Chỉ đạo Công an cấp huyện phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện để cùng tổ chức hoạt động kiểm tra hiện trường về tiêu chuẩn, kích thước phòng, điều kiện về an ninh trật tự tại cơ sở đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke và phối hợp giải quyết tốt các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo, đôn đốc các Chi cục Thuế cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục thực hiện tốt “Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính Đăng ký hộ kinh doanh và Đăng ký thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh” ban hành kèm theo Quyết định số 60/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh góp phần triển khai thực hiện hiệu quả quy trình giải quyết liên thông “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện” quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hướng dẫn, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết liên thông nhóm thủ tục hành chính theo Quy chế này đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thiết lập quy trình điện tử trên Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh sau khi quy trình nội bộ giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông theo Quy chế này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác triển khai, cấp tài khoản sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử cho cán bộ, chiến sĩ có liên quan tại Công an các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự theo quy trình tại Quy chế này.

4. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân cấp huyện và

các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh làm đầu mối tiếp nhận và chuyển đến các cơ quan liên quan xem xét, giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại của tổ chức, công dân liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính theo Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy chế này bằng nhiều hình thức thích hợp để công dân dễ tiếp cận và thực hiện.

2. Chỉ đạo Bộ phận Một cửa cấp huyện giới thiệu, hướng dẫn cho công dân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ để thực hiện “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện” khi công dân đến Bộ phận Một cửa liên hệ làm thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke. Không để xảy ra tình trạng công dân không nắm được thông tin, dẫn đến phải đi lại nhiều lần do thực hiện đơn lẻ từng thủ tục hành chính.

3. Tổ chức triển khai, chỉ đạo quán triệt các cơ quan liên quan quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện nghiêm túc quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ “Nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện”.

4. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai cài đặt Phần mềm Một cửa điện tử tại cơ quan Công an cấp huyện trên địa bàn và tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ có liên quan sử dụng để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự theo quy trình tại Quy chế này.

5. Chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm đầu mối, điều phối giải quyết hoặc tham mưu, đề xuất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh liên quan đến nhiều cơ quan tham gia giải quyết nhóm thủ tục hành chính.

6. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong thực hiện thủ tục hành chính theo Quy chế này trong phạm vi thẩm quyền hoặc chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

7. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn thông qua việc lồng ghép vào báo cáo định kỳ công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

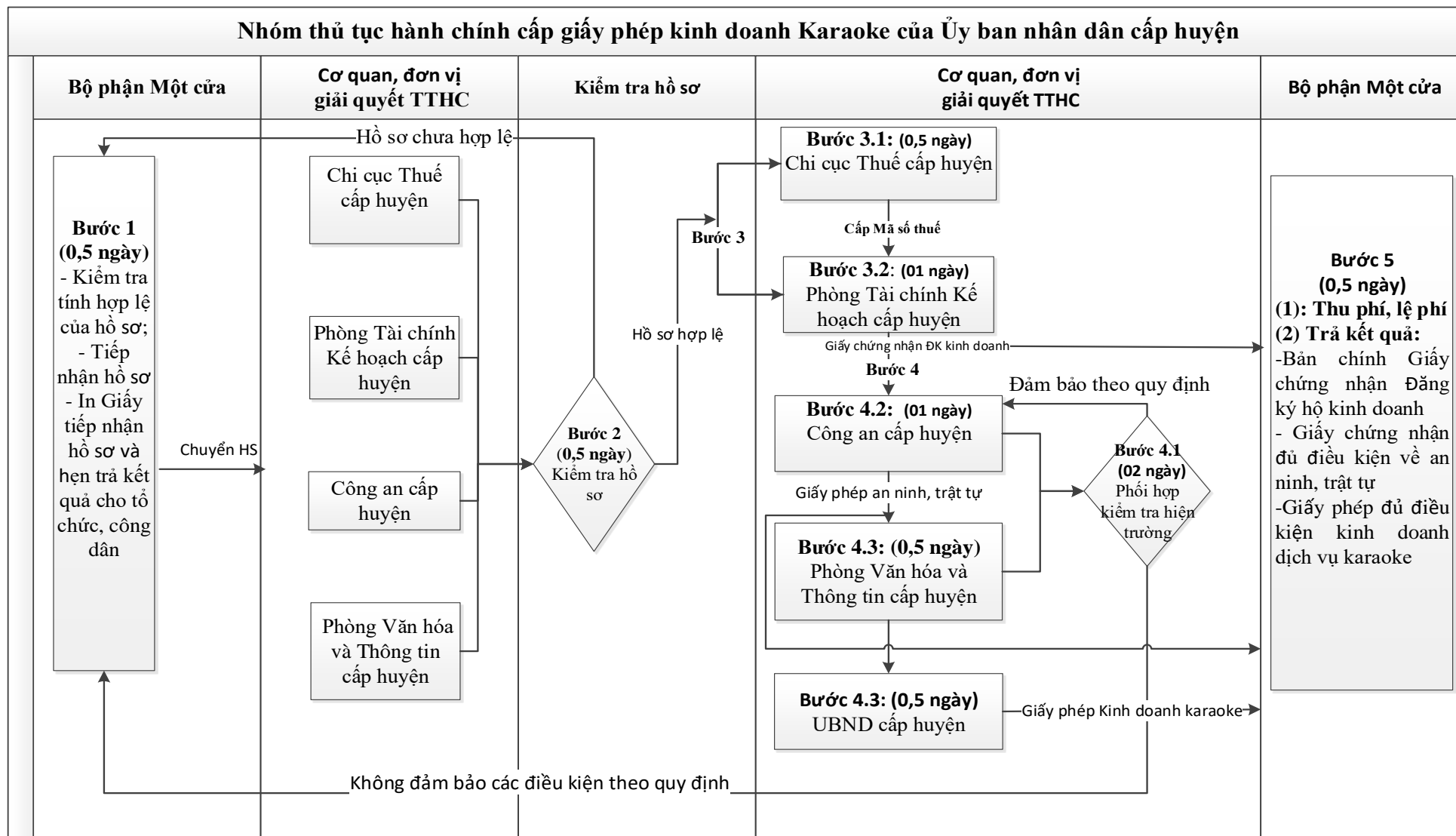
Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Thời gian triển khai thực hiện quy trình giải quyết liên thông các nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh karaoke theo Quy chế này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

Phụ lục 1
Lưu đồ “Quy trình giải quyết liên thông Nhóm thủ tục hành chính cấp Giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp huyện”



Phụ lục 2
Lưu đồ “Quy trình giải quyết liên thông Nhóm thủ tục hành chính cấp Giấy phép kinh doanh karaoke thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh”

